

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2025/LĐ-ST

Ngày: 06 – 3 - 2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Bà Phạm Thị Thu Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 414/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trương Thị M, sinh năm 1985; thường trú tại: Tổ 24, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**Bị đơn:** Công ty TNHH giày T; trụ sở: Số 1, đường số 5, khu sản xuất A, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều H, sinh năm 1979; trú tại: 1318, đường ĐT 743A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trương Thị T, sinh năm 1986; thường trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Q, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Trương Thị M trình bày:*

Do cần rút bảo hiểm xã hội một lần nên bà Trương Thị M liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương thì được cung cấp thông tin bà Trương Thị M, sinh năm 1985, số chứng minh nhân dân 276022037, số căn cước công dân 038185037062 đã tham gia bảo hiểm xã hội với các mã số sau:

Mã số 9104046682 tham gia từ tháng 01/2004 đến tháng 11/2005 tại công ty TNHH G, đã chốt sổ bảo hiểm xã hội và đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần quá trình trên.

Mã số 9104039196 tham gia từ tháng 3/2004 đến tháng 6/2004 tại công ty TNHH S.H VIỆT NAM.

Mã số 9105089808 tham gia từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2005 tại công ty TNHH Triumph International.

Đối với mã số bảo hiểm số 9104046682 thì bà Trương Thị M xác định không phải bà Trương Thị M là người lao động mà là bà Trương Thị T là em ruột của bà Trương Thị M ký kết hợp đồng lao động. Vào khoảng tháng 01/2004 đến tháng 11/2005 bà Trương Thị T có mượn chứng minh nhân dân của bà Trương Thị M để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Trong thời gian này thì bà Trương Thị M cũng đang làm việc tại công ty khác. Bà Trương Thị M xác định việc bà Trương Thị T sử dụng chứng minh nhân dân của bà Trương Thị M để ký kết hợp đồng lao động là không đúng quy định pháp luật. Bà Trương Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Trương Thị M (do Trương Thị T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH G trong khoảng thời gian làm từ tháng 01/2004 đến tháng 11/2005 là vô hiệu.

Bà Trương Thị M không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Tại bản ý kiến, trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn – bà Lê Thị Kiều Hoa trình bày:***

Qua kiểm tra thông tin về người lao động làm việc tại Công ty TNHH G thể hiện bà Trương Thị M trước đây có làm việc tại công ty từ tháng 01/2004 đến tháng 11/2005 thì nghỉ việc.

Trong suốt thời gian này, công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chi trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Cơ quan chức năng và người lao động đều không có bất kỳ ý kiến gì đối với công ty. Đến nay khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo, mới biết sự việc bà **Trương Thị T** đã dùng chứng minh nhân dân của bà **Trương Thị M** để ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại công ty.

Tại thời điểm tuyển dụng lao động, người lao động phải nộp hồ sơ trong đó có bao gồm chứng minh nhân dân của người lao động và các giấy tờ khác. Tuy công ty đã tiến hành kiểm tra hồ sơ nhưng công ty chỉ là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nên không thể phát hiện được những trường hợp này nếu người lao động cố ý mạo danh người khác và đặc biệt là khi người ký hợp đồng lao động và người trực tiếp làm việc là cùng một người.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty có ý kiến như sau:

- Trong sự việc này lỗi thuộc về người lao động vì đã có hành vi cố ý giả mạo người khác để ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại công ty.

- Hiện nay người lao động đã nghỉ việc nhiều năm nên không thể thực hiện đối chứng và cũng không còn lưu trữ hợp đồng lao động được đề cập trong vụ án này.

Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị M trong khoảng thời gian từ tháng 01/2004 đến tháng 11/2005 là vô hiệu vì cho rằng thời điểm đó bà Trương Thị T đã dùng chứng minh nhân dân của bà Trương Thị M và mạo danh bà Trương Thị M để ký hợp đồng thì Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Do bận công việc nên đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng như hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An trình bày:**

Bà Trương Thị M, sinh ngày 30/5/1985, số chứng minh nhân dân 276022037; số căn cước công dân 038185037062 được Công ty TNHH G đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp cho bà Trương Thị M từ tháng 01/2004 đến tháng 11/2005 mã số sổ Bảo hiểm xã hội 9104046682. Tuy nhiên trong thời gian này bà Trương Thị M tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9104039196 tại công ty TNHH S.H Việt Nam từ tháng 03/2004 đến tháng 6/2004 và mã số bảo hiểm xã hội số 9105089808 từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2005 tại công ty TNHH Triumph Internatinnal nhưng chưa được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương xác nhận chốt sổ bảo hiểm xã hội, chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm .

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị M khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Trương Thị M (do bà Trương Thị T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH G trong khoảng thời gian từ tháng **01/2004 đến tháng 11/2005** là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - Công ty TNHH G có địa chỉ trụ sở tại phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị M và Công ty TNHH G. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung:

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cung cấp có cơ sở xác định bà Trương Thị M cho bà Trương Thị T mượn hồ sơ mang tên bà Trương Thị M để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng **01/2004 đến tháng 11/2005** tại Công ty TNHH G theo số Bảo hiểm xã hội 9104046682. Trong khoảng thời gian trên, bà Trương Thị M cũng tham gia lao động tại các doanh nghiệp khác và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ Bảo hiểm xã hội số 9104039196 và số 9105089808.

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH G từ **01/2004 đến tháng 11/2005** là bà Trương Thị T chứ không phải bà Trương Thị M. Việc bà Trương Thị T mượn hồ sơ của bà Trương Thị M để đi làm tại Công ty TNHH G là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều

15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M.

[6] Bà Trương Thị T và Công ty TNHH G không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trương Thị M tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH G.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trương Thị M về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn - Công ty TNHH G.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Trương Thị M (do bà Trương Thị T ký) và Công ty TNHH G trong thời gian từ tháng 01/2004 đến tháng 11/2005 bị vô hiệu toàn bộ.

- Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Trương Thị M theo quy định pháp luật.

2 . Về án phí: Bà Trương Thị M tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009583 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**Lê Thị Ngọc**